TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCL

BẢN CHỐT

LỊCH THI LẦN 2 HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014-2015

(Dành cho các lớp đại học, cao đẳng năm 2, 3)

TT	TT cũ	SV năm thứ	Lớp	MaHP	Tên học phần	Ca thi	Ngày thi	Địa điểm	Ngày, ca thi cũ
1	1	2		DC06B	Anh văn CB II, Anh văn CB III(CĐ)	1	13/01/2015	Nhà B	
2	2	3		CN047	Anh văn CN bảo hộ, Anh văn CN 1 XH, KT				
3	3	3	XH15	CN260	Các lý thuyết xã hội học hiện đại	2			
4	5	2	CT10	CN125	Cơ sở văn hoá VN				
5	6	3	CT9	CN131	Công tác xã hội với cá nhân				
6	4	2	QN6	DC16	Đạo đức học đại cương				
7	7	2	KT8	CN002	Kinh tế vĩ mô				
8	8	2	TN8	CN002	Kinh tế vĩ mô				
9	9	3	LW4	CN218	Luật hình sự I				
10	10	2	LW5	CN014	Luật học so sánh				
11	12	2	CĐK6	CN006	Tài chính tiền tệ				
12		*3*	*BH20*	*CN081*	*Xây dựng công nghiệp*				*(thêm)*
13	17	2	BH21	DC29	Hóa đại cương	3			
14	18	2	LW5	CN026	Luật hành chính				
15	21	3	KT7	CN008	Luật kinh tế				
16	19	2	KT8	CN008	Luật kinh tế				
17	20	2	QT21	CN008	Luật kinh tế				
18	22	2	TN8	CN008	Luật kinh tế				
19	23	2	CT10	CN129	Lý thuyết CTXH				
20	24	3	QN5	CN023b	Quản trị sản xuất (QTNL)				
21	25	3	CT9	CN134	Tham vấn cơ bản				
22	29	2	CT10	CN130	Giới và phát triển	1	14/01/2015		
23	30	2	BH21	DC31	Hình họa - Vẽ kỹ thuật				
24	32	3	KT7	CN160	Kiểm toán căn bản A				
25	31	3	QT20	CN011	Kinh tế phát triển				
26	33	3	LW4	CN239	Luật hôn nhân và gia đình				
27	26	3	TN7N	CN036	Thị trường chứng khoán				
28	27	2	XH16	CN259	Thống kê xã hội				
29	28	3	BH20	CN079	Tổng quan về Bảo hộ lao động và Nguyên lý kỹ				
30	39	3	CT9	CN143b	Đạo đức trong CTXH	2			
31	39	2	XH16	DC17	Địa lý kinh tế VN				
32	40	3	BH20	CN090	Ecgônômi				
33	42	2	CĐK6	CN290	Kiểm toán căn bản				
34	41	2	BH21	DC32	Kỹ thuật điện				
35	36	3	XH15	CN263	Xã hội học nông thôn				

36	50	3	CT9	CN152	Kỹ năng giao tiếp	3			
37	51	2	BH21	DC33	Kỹ thuật nhiệt				
38	52	3	LW4	CN266c	Luật tố tụng dân sự				
39	43	2	LW5	CN211	Lý luận Nhà nước và pháp luật				
40	37	3	QT20	CN018	Quản trị chiến lược				
41	46	3	QN5	CN185	Quản trị học II				
42	53	3	TN7T	CN168	Tài chính công				
43	44		BH20	CN046	Tin ứng dụng				
44	47	3	XH15	CN264	Xã hội học đô thị				
45	59	2	BH21	DC34	Cơ học lý thuyết	1	15/01/2015		
46	60	2	LW5	DC54	Đại cương văn hóa VN				
47	61	2	XH16	DC56	Dân tộc học đại cương				
48	48	3	QN5	CN190	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực				14/1-c3
49	49	3	QT20	CN031	Kinh doanh xuất nhập khẩu				14/1-c3
50	62	3	LW4	CN356	Kỹ năng áp dụng pháp luật trong quản lý, lãnh đ				
51	63	2	CĐK6,Q6	CN017	Quản trị học				
52	55	3	KT7	CN167	Tài chính doanh nghiệp I				
53	56	3	TN7N	CN167	Tài chính doanh nghiệp I				
54	54	3	TN7T	CN167	Tài chính doanh nghiệp I				
55	57	3	BH20	DC38	Tâm sinh lý lao động và Tâm lý kỹ thuật				
56	58	3	XH15	CN269	Xã hội học gia đình				
57	68	2	KT8	CN156	Bảo hiểm	2			
58	70	2	XH16	DC61	Hành chính học đại cương				
59	66	3	TN7N	CN290	Kiểm toán căn bản				
60	102	3	BH20	DC40	Kỹ thuật đo lường				
61	71	3	XH15	DC62	Lý thuyết về tổ chức				
62	109	2	CĐK6,Q6	CN004	Nguyên lý kế toán				16/1-c2
63	108	3	QT20	CN004	Nguyên lý kế toán				16/1-c2
64	67	2	CT10	DC59	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học				
65	66	3	QN5	CN200	Tâm lý học lao động				
66	67	3	TN7T	CN169	Thuế				
67	72	3	CT9	CN155	Tôn giáo VN				
68	74	2	BH21	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3			
69	82	2	CĐK6,Q6	DC04	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
70	78	2	CT10	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
71	75	2	KT8	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
72	81	2	LW5	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
73	76	2	QN6	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
74	79	2	QT21	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
75	80	2	TN8	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
76	77	2	XH16	DC03	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
77	83	3	LW4	CN233	Công pháp quốc tế	4			15/1-c3
78	85	3	CT9	CN140	Gia đình học				15/1-c3

79	87	3	KT7	CN161a	Kế toán tài chính doanh nghiệp I				15/1-c3
80	16	2	CĐK6,Q6	CN004	Marketing căn bản				13/1-c3
81	13	2	QN6	CN003	Marketing căn bản				13/1-c3
82	14	3	QT20	CN003	Marketing căn bản				13/1-c3
83	15	2	TN8	CN003	Marketing căn bản				13/1-c3
84	84	3	XH15	CN262	Phương pháp nghiên cứu xã hội học II				15/1-c3
85	93	3	BH20	DC45	Công nghệ hoá chất	1	16/01/2015		
86	94	3	QN5	DC22	Dân số và phát triển				
87	89	2	XH16	DC47	Kinh tế học đại cương				
88	95	2	QT21	CN001	Kinh tế vi mô				
89	92	3	CT9	CN154	Sức khỏe tâm thần				
90	90	2	CT10	DC58	Toán thống kê cho khoa học xã hội				
91	110	3	XH15	DC41	Môi trường và phát triển	2			
92	103	3	KT7	CN007	Nguyên lý thống kê kinh tế				
93	104	3	QN5	CN007	Nguyên lý thống kê kinh tế				
94	105	3	TN7N	CN007	Nguyên lý thống kê kinh tế				
95	106	3	TN7T	CN007	Nguyên lý thống kê kinh tế				
96	91	3	QT20	CN006	Tài chính - Tiền tệ				
97	101	2	QT21	CN010	Tâm lý học quản lý				
98	107	2	QN6	CN209	Văn hóa doanh nghiệp				
99	69	3	QN5	CN204	Bảo hiểm xã hội	3			15/1-c2
100	86	2	LW5	CN210	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới				15/1-c3
101	100	2	CĐK6,Q6	DC15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				16/1-c1
102	96	2	KT8	DC14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				16/1-c1
103	97	2	QN6	DC14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				16/1-c1
104	98	2	QT21	DC14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				16/1-c1
105	99	2	TN8	DC14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				16/1-c1
106	88	3	LW4	CN243	Pháp luật về công đoàn				15/1-c3
107	73	3	BH20	DC44	Xã hội học công nghiệp				15/1-c2
108	34	3	QN5	CN043	Luật lao động và công đoàn				14/1-c2
109	11	2	XH16	CN043	Luật lao động và công đoàn				13/1-c2
110	45	3	TN7N	CN157	Quản trị doanh nghiệp				14/1-c3
111	35	3	TN7T	CN157	Quản trị doanh nghiệp				14/1-c2

NGƯỜI LẬP **PHÓ, PHỤ TRÁCH**

Lê Trường Thông **ThS. Nguyễn Thành Công**